TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 23/2023/DS - ST
Ngày: 06-02-2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thu Hồng**.
Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa**: ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Quí** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1953.
Đại chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.
Đại diện theo ủy quyền: Võ Thị Bích P, sinh năm 1976.
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.
*Bị đơn: Huỳnh Thị T, sinh năm 1960.
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị P có mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện dại diện theo ủy quyền nguyên đơn chị Võ Thị Bích P trình bày*:***

Bà Huỳnh Thị T là cháu dâu, gọi bà Trần Thị M là dì chồng. Tại địa phương tên thường gọi của bà Trần Thị M là 10 T. Trước đây bà Huỳnh Thị T có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị M làm chủ hụi, loại hụi 200.000đồng/tháng, không nhớ rõ thời gian mở hụi và mãn hụi nhưng đến ngày 21/3/2021 (âm lịch) thì giữa bà M và bà T thống nhất bà Huỳnh Thị T còn nợ lại bà Trần Thị M số tiền là 47.100.000đồng, bà T có viết biên nhận nợ bà M số tiền 47.100.000đồng, biên nhận do bà T viết và ký tên. Sau đó, bà M có nhiều lần đến nhà đòi số nợ này thì bà T có trả cho bà M nhiều lần với tổng số tiền là 15.100.000 đồng (mười lăm triệu một trăm ngàn đồng) và đến nay còn nợ lại bà

M số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai hai triệu đồng), bà M đã đòi nhiều lần nhưng hiện nay bà T vẫn chưa trả số tiền còn nợ lại là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Nay bà M khởi kiện yêu cầu:

- Bà Huỳnh Thị T trả số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* **Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày**:

Bà T là cháu dâu, gọi bà Trần Thị M là dì chồng. Tại địa phương tên thường gọi của bà Trần Thị M là 10 T. Bà T và con ruột của bà có chơi hụi do bà Trần Thị M làm chủ hụi. Năm 2021, bà Trần Thị M có đến nhà giao cho bà T số tiền hốt hụi là 47.100.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng), khi bà T nhận tiền bà M có làm biên nhận cho bà T ký tên xác nhận đã nhận số tiền 47.100.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng) từ bà M, trong phần nội dung biên nhận bà T có viết mấy chữ nhưng không nhớ rõ là viết gì, thời gian bà T nhận tiền đúng như trong biên nhận. Sau đó, bà T nhiều lần đóng hụi cho bà M và còn nợ là số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Hiện nay bà T thống nhất còn nợ lại bà M số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng). Bà T đồng ý trả cho bà M số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) trả cho đến khi trả hết nợ.

***Tại phiên tòa**;

+ Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chị Võ Thị Bích P vẫn giữ nguyên yêu cầu, cụ thể chị P yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

+ Bị đơn bà Huỳnh Thị T vắng mặt.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự; năm 2015 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 440, Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M: Buộc bà Huỳnh Thị T phải trả cho bà M số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Bị đơn bà Huỳnh Thị T vắng mặt, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Bà M khởi kiện bà T dựa trên tài liệu, chứng cứ là: "Biên nhận nợ ngày 21/3/2021, có chữ ký tên của bà T". Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện, bà T đều thống nhất thừa nhận bà T có tham gia chơi hụi và hiện nay bà Tuyết còn nợ lại bà M số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), chữ ký tên trong biên nhận nợ ngày 21/3/2021 là do bà T ký tên, bà T cũng thống nhất còn nợ lại bà M số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), trả đến khi trả hết số nợ 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), xin không trả lãi. Từ đó cho thấy việc bà M khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị T phải trả cho bà M số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về thời gian trả: Bà M có chị P đại diện theo ủy quyền yêu cầu bà T trả số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), trả một lần. Xét thấy, việc bà Tuyết trả dần là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, không được bà M chấp nhận, nên Hội đồng xét xử cần buộc bà T phải trả cho bà M số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5]. Ghi nhận việc bà M có chị P đại diện theo ủy quyền không yêu cầu tính lãi của số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, tuy nhiên do bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí án phí nên bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 440, Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Căn cứ Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

- Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà T chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả xong nợ.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Do Bà Huỳnh Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Do Bà Trần Thị M là người cao tuổi và bà M có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên không phải hoàn lại án phí cho bà M.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*Nơi nhận:
-TAND tỉnh T;
-VKSND huyện G;
-Chi cục THADS huyện G;
- Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh